

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-ST

Ngày: 28-10-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Ông Ngô Bá Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 258/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1944; Nơi cư trú: Ấp Ph, xã A, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị C: Ông Phạm Minh H, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp Ph, xã A, huyện M, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 06/01/2021).

Bà Trần Thị T có mặt và ông Phạm Minh H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa bà Trần Thị T trình bày:*

Ngày 15/8/2018 âm lịch bà T có cho bà Phạm Thị C vay số tiền gốc là 75.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận không tính lãi, bà Bê hứa từ 02 đến 03 tháng

sau trả đủ tiền vay. Bà T đã giao một lần số tiền 75.000.000 đồng cho bà C nhận vào ngày 15/8/2018 âm lịch. Hai bên không có làm hợp đồng vay tiền nhưng có viết tờ biên nhận, bà C có ký tên vào biên nhận nội dung bà C thừa nhận có mượn bà T số tiền 75.000.000 đồng, là tờ “Biên nhận” đề “ngày 15-08âm-2018” mà bà T nộp cho Tòa án. Đến hạn trả nợ thì bà C không trả, bà T nhiều yêu cầu nhưng bà C cũng không thực hiện. Bà T gửi đơn yêu cầu tổ hòa giải của ấp Ph giải quyết, tại buổi hòa giải bà C trình bày chỉ mượn của bà T số tiền 70.00.000 đồng và đã trả được 25.000.000 đồng, bà T không đồng ý với lời trình bày của C nên buổi hòa giải không thành. Bà Ty khởi kiện yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà T không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bà C, từ khi bà T cho bà C vay tiền cho đến nay bà C không trả khoảng tiền gốc nào, bà T cũng không có nhận khoảng tiền lãi nào từ bà C. Nội dung đoạn ghi âm mà phía bà C cung cấp, theo bản lược ghi do phía bà C lược ghi thì đúng là giọng nói của bà T, nhưng đoạn ghi âm này không có nội dung nào bà thừa nhận có nhận số tiền 25.000.000 đồng do bà C trả nợ vay gốc. Khi cháu Tr hỏi bà T trả lời các nội dung như “chưa trả đồng nào hụi mà chơi hụi”, “Đóng hụi, đóng hụi, ngày nào cũng...”, “không, đó là hụi ngày” là do khi hai bên nói chuyện thì bà T nhớ đến việc trước đây khoảng năm 2017 có cho bà C tham gia chơi hụi ngày do bà T làm đầu thảo, do bà C hốt đầu nên mỗi ngày đóng hụi chết là 120.000 đồng đóng trong vòng một tháng thì mãn hụi.

*Tại biên bản lấy lời khai, đơn yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị C và tại phiên hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phạm Thị C trình bày:*

Bà C trình bày ngày 06/02/2018 bà có vay của bà T số tiền gốc là 70.000.000 đồng không phải 75.000.000 đồng như bà T trình bày, hai bên không có ấn định thời hạn trả tiền, chỉ nói khi nào có tiền thì trả, cũng không thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu %, nhưng mỗi ngày bà phải đóng tiền lãi cho bà T số tiền 3.500.000 đồng, bà C đã đóng từ ngày 07/02/2018 đến ngày 06/3/2018, đến ngày 06/4/2018 bà trả cho bà T 25.000.000 đồng tiền vay gốc. Sau đó bà C tiếp tục đóng tiền lãi cho bà T mỗi ngày 2.500.000 đồng, đóng từ ngày 06/4/2018 âm lịch đến ngày 06/8/2018 âm lịch, còn nợ lại 45.000.000 đồng tiền vay gốc. Chữ ký tên và chữ viết họ tên Phạm Thị Bê tại tờ “Biên nhận” mà bà T cung cấp là do bà C ký và viết, do bị bà T đe dọa, ép buộc ký nên bà ký mà không đọc nội dung của tờ “Biên nhận”. Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Minh H trình bày, bà C có mượn tiền của bà T nhiều lần, mượn trước năm 2018, thời gian thì bà C không nhớ rõ, tổng cộng chỉ có 30.000.000 đồng nợ gốc, lãi suất bao nhiêu thì bà C không nhớ nhưng lãi suất rất cao, bà T kêu đóng bao nhiêu tiền lãi thì bà C đóng, tổng cộng bà C đã đóng tiền lãi cho bà T số tiền là 405.000.000 đồng. Khi bà Bê mượn tiền của bà T thì không có làm biên nhận, khi bà C đóng tiền lãi cho bà T cũng không làm biên nhận. Đến khi bà C không còn khả năng đóng lãi được nữa thì bà T mới ép bà C ký tên vào tờ “Biên nhận” mà bà T nộp

cho Tòa án, chữ ký của “người mượn” tại tờ “Biên nhận” là do bà C ký nhưng là do bị bà T ép buộc nên mới ký, lúc bà C ký tên vào tờ biên nhận này thì không có ai chứng kiến. Số tiền 75.000.000 đồng bà T ghi trong biên nhận là tiền vay vốn cộng tiền lãi của những khoảng vay trước đó. Bà C tuổi cao, trình độ kém, việc bà T giao dịch vay mượn với người tuổi cao, trình độ kém là không đúng qui định nhằm lừa dối bà C ký biên nhận nợ tiền. Bà C không đồng ý trả 75.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T vì bà C chỉ vay gốc 30.000.000 đồng và đã xong nợ gốc và lãi cho bà T, bà C đã trả tiền lãi cho bà T với số tiền lãi vượt mức qui định với số tiền tổng là 405.000.000 đồng. Bà C yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 405.000.000 đồng là tiền lãi mà bà C đã đóng cho bà T vượt mức qui định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng:* Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ vay gốc là 75.000.000 đồng, không tính lãi. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà C về việc yêu cầu bà T trả cho bà C số tiền 405.000.000 đồng, do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ vay gốc là 75.000.000 đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Phạm Thị C có địa chỉ nơi cư trú tại xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Minh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn Trần Thị T: Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà C trả cho bà T số tiền nợ vay gốc là 75.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình thì bà T đã cung cấp chứng cứ là tờ "Biên nhận" đề ngày "15-08/2018" có nội dung "tôi phạm Thị C phú Lộc Hạ 1 có mượn em T, Trần Thị T ấp Phú Tây xã An Định số tiền 75.000.000 đồng. Bảy mươi lăm triệu đồng", bên dưới nội dung "người mượn" có chữ ký tên và chữ viết họ tên "Phạm Thị C". Bà T, bà C, người đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày thống nhất giữa bà T và bà C có giao dịch vay tiền; nội dung của tờ "Biên nhận" này là do bà T viết; chữ ký tên và chữ viết họ tên Phạm Thị C là do bà C ký và viết. Tuy nhiên các bên trình bày không thống nhất về số tiền vay. Tại các biên bản lấy lời khai thì bà B thừa nhận chỉ vay của bà Thủy số tiền gốc là 70.000.000 đồng, bà T tự ý ghi thêm thành số tiền vay là 75.000.000 đồng; tại các phiên hòa giải thì người đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày bà C có vay tiền của bà T nhiều lần với số tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng; biên nhận ngày 15-08/2018 ghi số tiền 75.000.000 đồng là tiền vay vốn cộng lãi; bà C cho rằng bà C bị bà T đe dọa, ép buộc ký tên vào tờ "Biên nhận" ngày 15-08/2018 nhưng bà C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà C là có căn cứ; bà T cũng không thừa nhận lời trình bày của bà C. Từ đó có cơ sở xác định giữa bà T và bà C có giao dịch vay tài sản với số tiền là 75.000.000 đồng, trong đó bà T là bên cho vay, bà C là bên vay.

[2.2] Xét lời trình bày của bà C về việc đã trả cho bà T 25.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi: Bà C trình bày khi thỏa thuận vay tiền của bà T thì hai bên không ấn định thời hạn trả tiền, chỉ nói khi nào có tiền thì trả, cũng không thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu, nhưng mỗi ngày bà C phải đóng tiền lãi cho bà T số tiền 3.500.000 đồng và đã đóng từ ngày 07/02/2018 đến ngày 06/3/2018, đến ngày 06/4/2018 bà trả cho bà T 25.000.000 đồng tiền vay gốc. Sau đó bà C tiếp tục đóng tiền lãi cho bà T mỗi ngày 2.500.000 đồng, đóng từ ngày 06/4/2018 âm lịch đến ngày 06/8/2018 âm lịch, còn nợ lại 45.000.000 đồng tiền vay gốc; tại các phiên hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bà C xác định, bà C chỉ vay của T số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng hiện bà B đã trả xong các khoảng tiền vay gốc và lãi vay cho bà T, bà C đã đóng dư số tiền lãi là 405.000.000 đồng cho bà T nên yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền 405.000.000 đồng này cho bà C. Để chứng minh cho lời trình bày của của mình thì bà C cung cấp trích đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T với bà C và cháu của bà C là Phạm Mai Tr vào ngày 17/01/2021; bà C cho rằng nội dung của cuộc đối thoại qua lại giữa bà T với cháu Tr tại trích đoạn ghi âm là lời thừa nhận của bà T có nhận của bà B số tiền 25.000.000 đồng tiền nợ vay gốc. Bà T thừa nhận nội dung của lời nói của bà T tại trích đoạn ghi âm và nội dung bản lược ghi do bà C cung cấp là lời nói của bà T, nhưng không có nội dung thể hiện bà T thừa nhận có nhận số tiền vay gốc 25.000.000 đồng từ bà C. Hội đồng xét xử xét

thấy, trích đoạn ghi âm mà bà C cung cấp không có nội dung nào thể hiện việc bà T thừa nhận có nhận của bà C số tiền 25.000.000 đồng là tiền vay gốc trong số tiền vay mà bà C đã vay của bà T ngày 15/8/2018 âm lịch. Ngoài ra bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh cho lời trình bày này của bà C là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời phản bác của bà C cho rằng đã trả cho bà Thủy 25.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi.

[2.4] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Đối với yêu cầu phản tố của bà C: Ông Phạm Minh H là người đại diện theo ủy quyền của bà C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị C theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ vay gốc là 75.000.000 đồng.

Các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.750.000 đồng nhưng do bà C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 217, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị C, cụ thể:

1. Buộc bà Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ vay gốc là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Bà Trần Thị T không tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị C về việc bà Phạm Thị C yêu cầu bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị C số tiền 405.000.000 đồng (bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

3. Về án phí:

- Bà Phạm Thị C được miễn toàn bộ án phí.  
- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001090 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho bà Trần Thị T.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự <sup>(2b)</sup> ;
- TAND tỉnh Bến Tre <sup>(1b)</sup> ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam <sup>(1b)</sup> ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam <sup>(1b)</sup> ;
- Lưu HS, VP <sup>(3b)</sup> TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Thu Trang**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

